

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DSST

Ngày: 17/01/2022

*“V/v tranh chấp di sản
thừa kế”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trãi.

2. Ông Ngô Minh Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Dũng – Thẩm tra viên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2021/QĐXXST-DS ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: 147/81B PNL, phường AH, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: K VX, phường CVL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TB, xã Thới Thạnh, huyện TL, Tp. Cần Thơ.

2/ Ông **Nguyễn Văn H** (chết) người thừa kế gồm:

2.1 Bà **Nguyễn Thị Kim S**, sinh năm 1964 (có mặt)

2.2 Anh **Nguyễn Phan Th**, sinh năm 1988 (vắng mặt).

2.3 Chị **Nguyễn Phương TO**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Đại diện ủy quyền của anh Th, chị TO có bà **Phan Thị Kim S**, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực 10, phường CVL, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ.

3/ Bà **Nguyễn Thị Ch**, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Tr Phước B, xã Tr LT, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện ủy quyền của bà Ch có anh **Huỳnh Trung H**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Tr Phước B, xã Tr LT, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (văn bản ủy quyền ngày 14/4/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Nguyên trước đây cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn Nam (chết năm 2012) và bà Nguyễn Thị Bướm (chết năm 1993) có tất cả là 06 người con tên: Nguyễn Thị Ngọc Long, sinh năm 1959 (chết năm 1985 không có vợ con), Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1952, Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1953, Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958, Nguyễn Thị H, sinh năm 1960, Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 (chết) có vợ bà Phan Thị Kim S và 02 người con tên Nguyễn Phan Th, Nguyễn Phương TO.

Lúc sinh thời, cha mẹ có tạo dựng được căn nhà cấp 4, trên diện tích 167m², do ông Nam đứng tên trên sổ mục kê. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. đất tọa lạc tại K VX, phường CVL, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ. Ông Nam, bà Bướm sống chung với vợ chồng ông H. Khoảng năm 1995 vợ chồng ông H ra riêng, đến năm 1997 ông Tr bán nhà cùng vợ con về chung sống với tại nhà cha mẹ bà. Su khi ông Nam qua đời quá trình ông Tr sử dụng căn nhà không thay đổi kết cấu, hiện trạng. Đến năm 2014 ông Tr bỏ đi nơi khác sinh sống, bỏ nhà hoang, thỉnh thoảng có đưa con gái ông Tr đến thăm nhà; đến cuối năm 2020 nghe tin khởi kiện ông Tr trở về chiếm căn nhà, quá trình sinh sống ông Tr bất hòa với tất cả anh em, dòng họ, ông Tr đuổi xô không cho anh em, con cháu đến nhà thờ cúng ông bà, cha mẹ.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật căn nhà và đất của cha mẹ để lại. Bà yêu cầu chia căn nhà cấp 4 và diện tích 167m², qua đo đạc thực tế diện tích 185,1m². Quá trình khởi kiện tại tòa, bà H có yêu cầu thẩm định, định giá tài sản căn nhà và đất nêu trên. Kết quả theo chứng thư thẩm định giá số 1020/2021/CT.SCC-CT ngày 21/5/2021 của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam đưa ra giá trị tổng tài sản là 945.322.000 đồng. Bà H yêu cầu được nhận 1/5 đối với số tiền trên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr vắng mặt không lý do.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch có đại diện ủy quyền là ông Huỳnh Trung H có đơn yêu cầu độc lập trình bày như Su: Thống nhất với lời trình bày của bà nguyên đơn bà H, yêu cầu được chia giá trị căn nhà và đất theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu độc lập trình bày như Su: Thống nhất với lời trình bày của bà nguyên đơn bà H, yêu cầu được chia giá trị căn nhà và đất theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim S có đơn yêu cầu độc lập trình bày như Su: Thống nhất với lời trình bày của bà nguyên đơn bà H, yêu cầu được chia giá trị căn nhà và đất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 609; 623; 652; 649; 688 Bộ luật dân sự. Điều 100; Điều 188 Luật đất đai 2013; Nghị Quyết 02/2004/NQ – HĐTP.

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Giao phần nhà và đất tại thửa 158 cho ông Nguyễn Văn Tr sử dụng. Ông Tr trích lại giá trị đất cho các đồng thừa kế khác như Su:

Buộc ông Nguyễn Văn Tr trích lại giá trị nhà và đất cho mỗi người là 189.064.400 đồng gồm bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Ch. Trích lại 189.064.400 đồng cho Nguyễn Phan Th và Nguyễn Phương TO.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyễn Phan Th và Nguyễn Phương TO pH chịu theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Ch được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp di sản thừa kế*” giữa cá nhân với cá nhân. Tranh chấp này được Bộ luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr tòa án đã triệu tập nhiều lần nH ông vắng mặt không rõ lý do và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr là Luật sư Đỗ Vinh Quang đã được thông báo tham gia tố tụng nH vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr và Luật sư Đỗ Vinh Quang theo quy định chung của pháp luật.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông Nguyễn Văn Nam (chết năm 2012) và bà Nguyễn Thị Bướm (chết năm 1993). Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp thừa kế do người chết để lại vẫn còn thời hiệu.

[4] *Về nội dung vụ án*: Nguyên đơn cho rằng cha mẹ là ông Nam, bà Bướm có tất cả 06 người con gồm: Nguyễn Thị Ngọc Long (chết năm 1985 không có người thừa kế thế vị), Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn H (chết) có vợ bà Phan Thị Kim S và 02 người con tên Nguyễn Phan Th, Nguyễn Phương TO. Ông Nam, bà Bướm tạo lập được một khối tài sản gồm căn nhà cấp 4, trên diện tích 167m² (diện tích thực tế 185,1m²) tại thửa 158 do ông Nguyễn Văn Nam đứng tên trên sổ mục kê. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đất tọa lạc tại K VX, phường CVL, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ. Do bà Nguyễn Thị Ngọc Long chết không người thừa kế nên nguyên đơn yêu cầu được nhận 1/5 giá trị tài sản do ông Nguyễn Văn Nam để lại.

NH người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn H (chết) có vợ bà Phan Thị Kim S và 02 người con tên Nguyễn Phan Th, Nguyễn Phương TO đều có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu được nhận 1/5 giá trị tài sản của ông Nguyễn Văn Nam để lại.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự thừa nhận rằng ông Nguyễn Văn Nam và bà Nguyễn Thị Bướm (cả 02 đều chết) chỉ có 01 đời vợ chồng có tất cả 06 người con, bà Nguyễn Thị Ngọc Long (chết không có người thừa kế). Ông Nam, bà Bướm chết không để lại di chúc. Do đó, khi ông Nam, bà Bướm chết thì tài sản ông bà để lại thuộc di sản thừa kế những người con của ông Nam, bà Bướm thuộc hàng thừa kế thứ nhất đều có quyền thừa hưởng như nhau. Đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 05 và căn nhà trên đất hiện nay do ông Tr quản lý.

Tr hợp chia diện tích đất cho các đồng thừa kế thì không đảm bảo cho việc xây dựng và đi lại trên thửa đất. Như vậy, các đương sự yêu cầu chia giá trị nhà và đất như Viện kiểm sát phân tích là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với thửa đất và tài sản trên đất theo kết quả định giá của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định giá Đông Nam có giá trị theo giá thị Tr là 945.322.000 đồng.

Như vậy, phần giá trị tài sản do ông Nam, bà Bướm để lại mỗi người được hưởng một tỷ phần như Su: $945.322.000 \text{ đồng} / 5 \text{ người} = 189.064.000 \text{ đồng} / 1 \text{ tỷ phần (làm tròn)}$.

Các đương sự đều thống nhất để lại căn nhà và thửa đất 158, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại K VX, phường CVL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ cho ông Nguyễn Văn Tr sử dụng và buộc ông Tr pH trích lại giá trị cho mỗi người là 189.064.000 đồng là phù hợp.

[5] *Về chi phí đo đạc, định giá tài sản*: Các đương sự pH chịu.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Các đương sự pH nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 157, 158, 227, 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 611; 612; 623; 649; 650; 651 và Điều 652 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 100; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai 2013

Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Buộc ông Nguyễn Văn Tr phải trả cho bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Đ mỗi người 189.064.000 đồng (*Một trăm tám mươi chín triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*).

Buộc ông Nguyễn Văn Tr phải trả cho người thừa kế của ông Nguyễn Văn H gồm: Anh Nguyễn Phan Th và chị Nguyễn Phương TO là 189.064.000 đồng (*Một trăm tám mươi chín triệu không trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*).

Khi ông Nguyễn Văn Tr thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho những người trên thì ông Tr được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 158, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại K VX, phường CVL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

(*kèm theo bản án là bản trích đo địa chính số 24/TTKTTNMT ngày 09/3/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi Tr thành phố Cần Thơ*)

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Phan Th và chị Nguyễn Phương TO pH chịu số tiền 9.453.000 đồng (*Chín triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn đồng*). Khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng 1.650.000 đồng (*Một triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng*) theo biên lai thu số 010980 ngày 15/5/2020 anh Th và chị TO pH nộp thêm 7.803.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm lẻ ba ngàn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H 1.650.000 đồng (*Một triệu sáu trăm năm chục ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 010850 ngày 17/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Tr được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí 12.608.000 đồng bà H đã tạm ứng và chi xong. Buộc bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Tr mỗi người pH trả cho bà H 2.521.600 đồng. Anh Nguyễn Phan Th và chị Nguyễn Phương TO pH trả cho bà H 2.521.600 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản

án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân Q. Ô Môn;
- Chi cục THA quận Ô Môn,
- Đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Văn Chính